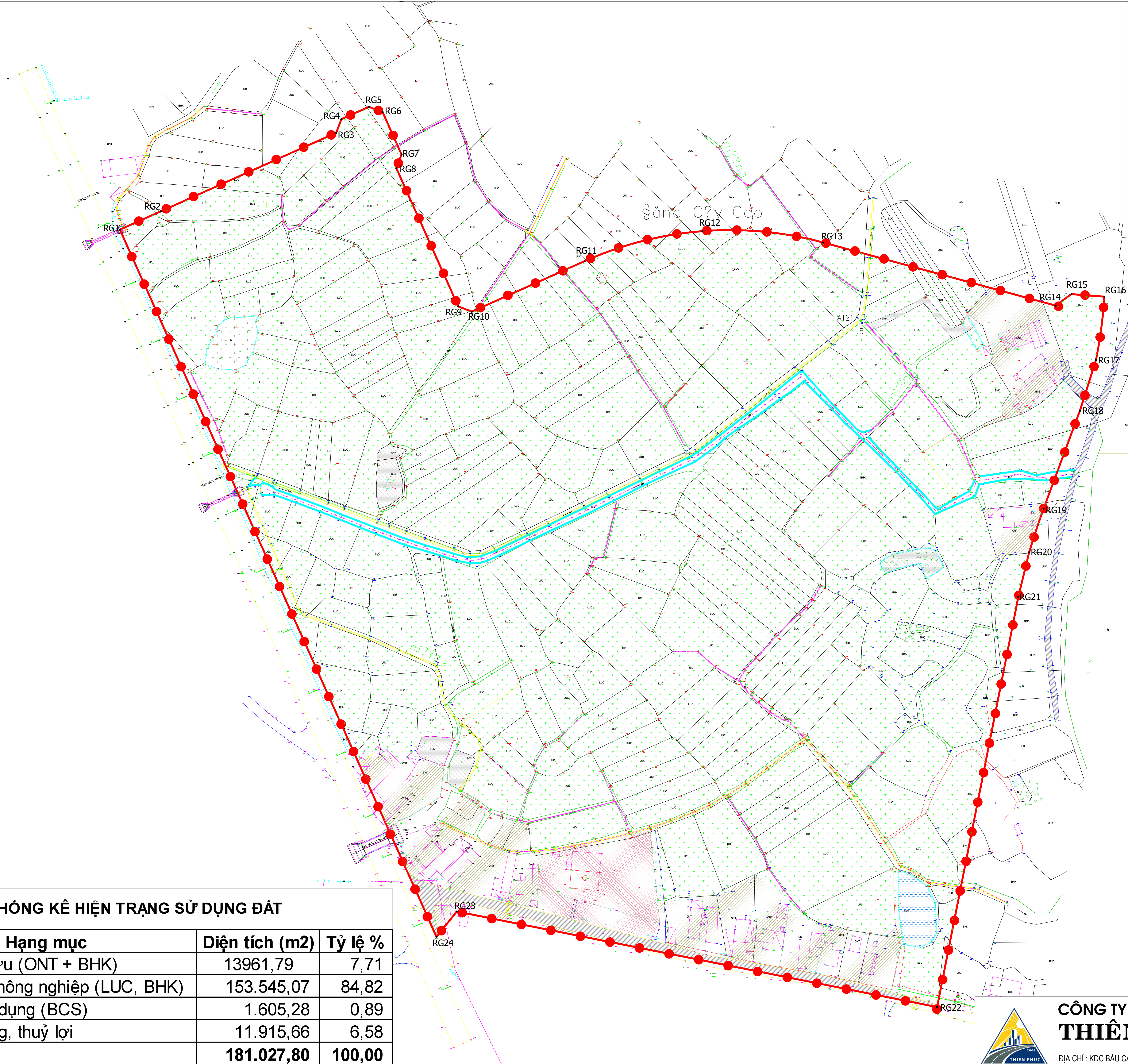


DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI
BẢN ĐỒ PHẠM VI NGHIÊN CỨU, RANH GIỚI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH



KÝ HIỆU:

- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT Ở HIỆN HỮU
- ĐẤT CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG HIỆN HỮU
- ĐẤT KÊNH, MƯƠNG, THỦY LỢI
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)
	X	Y	
RG1	1637129.89	605400.93	26
RG2	1637140.514	605424.659	111.6
RG3	1637186.12	605526.52	8.49
RG4	1637194.05	605529.54	17.51
RG5	1637201.2	605545.52	8.48
RG6	1637198.18	605553.44	27.01
RG7	1637173.53	605564.48	8.48
RG8	1637165.61	605561.45	88.01
RG9	1637085.29	605597.42	8.48
RG10	1637082.265	605605.343	71.7
RG11	1637111.567	605670.786	70.57
RG12	1637128.99	605739.17	70.56
RG13	1637122.403	605809.427	139.81
RG14	1637085.785	605944.358	11.35
RG15	1637092.412	605953.57	19.19
RG16	1637090.953	605972.7	37.07
RG17	1637054.197	605967.856	30.99
RG18	1637024.656	605958.478	60.62
RG19	1636967.814	605937.407	26.71
RG20	1636942.455	605929.013	26.72
RG21	1636916.487	605922.713	242.74
RG22	1636678.37	605875.551	284.49
RG23	1636733.85	605596.52	18.83
RG24	1636719.13	605584.78	450.03
RG1	1637129.89	605400.93	

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Tỷ lệ %
1	Đất ở hiện hữu (ONT + BHK)	13961,79	7,71
2	Đất sản xuất nông nghiệp (LUC, BHK)	153.545,07	84,82
3	Đất chưa sử dụng (BCS)	1.605,28	0,89
4	Đất giao thông, thủy lợi	11.915,66	6,58
	Tổng cộng	181.027,80	100,00

